

Bản án số: 251/2022/HSST

Ngày 31/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

2. Ông Nguyễn Quang Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Chính, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 231/2022/HSST ngày 01/8/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2022/QĐXXST-HS ngày 15/8/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NLT**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 19 tháng 5 năm 1990, tại Thái Nguyên; Nơi cư trú: Xóm Y, xã T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Nguyễn Xuân T, sinh năm 1960 (đã chết); Con bà: Long Thị N, sinh năm 1963; Gia đình có 02 anh, em. Bị cáo là con thứ 02; Vợ: Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1989; Có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; - Tiền án: + Tại Bản án số 67/2014/HSPT ngày 18/02/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng, về tội “Cố ý gây thương tích”. + Tại Bản án số 77/2018/HSPT ngày 21/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 bản án là 36 tháng tù. T đi chấp hành án ngày 11/3/2019. Ra trại ngày 24/10/2021; - Tiền sự: Quyết định số 1143/QĐ-XPVPHC ngày 08/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) về hành vi “Cho vay tiền có cầm cố tài sản nH lãi suất cho vay vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cho vay”. Bị cáo chưa nộp phạt.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (Bị bắt tạm giam từ ngày 20/5/2022 đến nay). *(Có mặt tại phiên tòa);*

Người bị hại: Anh LTL, sinh năm 1994.

Trú quán: Tổ 7, phường G, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. *(Có mặt)*

Người làm chứng: 1. Chị NĐP, sinh năm 1998, Trú tại Tổ 7, phường G, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị P là vợ anh L) (Có mặt tại phiên tòa).

2. Anh NTA, sinh năm 1991, Trú tại Tổ 2, phường T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. *(Vắng mặt).*

3. Anh NVH, sinh năm 1983, Trú quán: Tổ 7, phường G, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. *(Vắng mặt)*

4. Anh NQT, sinh năm 1992, Trú quán: Xóm N, xã T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 05/5/2022, NLT cùng anh LTL (sinh năm 1990), chị NĐP (sinh năm 1996, là vợ của anh L, cùng trú tại: Tổ 07, phường G, thành phố Thái Nguyên), anh NTA (sinh năm 1991, trú tại: Tổ 02, phường T, thành phố Thái Nguyên), anh NQT (sinh năm 1992, trú tại: Xóm N, xã T, thành phố Thái Nguyên) cùng một số người bạn đến ăn cơm, uống rượu tại Nhà hàng “DT” thuộc tổ 01, phường T, thành phố Thái Nguyên. Quá trình ăn uống, giữa T và anh L xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Do bức tức vì thái độ của anh L, T dùng tay phải cầm 01 (một) chiếc bát ăn cơm bằng sứ màu trắng đập 01 (Một) phát trúng vào vùng thái dương bên phải của anh L làm anh L bị thương tích và chiếc bát bị vỡ. Sau đó, T tiếp tục dùng tay phải đâm liên tiếp 02 (Hai) phát vào miệng của anh L. Thấy vậy, anh T cùng mọi người vào can ngăn thì T bỏ về nhà còn anh L đến Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên điều trị thương tích. Ngày 07/5/2022, anh L đã đến Công an phường T, thành phố Thái Nguyên trình báo sự việc.

Hậu quả: Anh LTL có 01 vết thương rách da, chảy máu vùng thái dương phải kích thước 04cm, bờ mép sắc gọn; 01 vết thương vùng môi trên kích thước 01cm, rách lợi hàm trên, lung lay răng 12 và 13; 01 vết thương kích thước 01cm vùng cẳng chân phải.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 312/TgT ngày 20/5/2022 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thái Nguyên kết luận: Hiện tại có 02 sẹo vết thương phần mềm KT nhỏ, trong đó: sẹo thái dương đỉnh (P) tỷ lệ 1%;

sẹo mặt trước cằm chân (P) tỷ lệ 1%, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02% (Hai phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương: Do tác động của vật có cạnh sắc (BL 53).

Tại cơ quan điều tra, NLT đã khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên. Lời khai nhận của T phù hợp với biên bản sự việc, biên bản xác định hiện T, sơ đồ hiện T, kết luận giám định, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vật chứng của vụ án: 03 (Ba) mảnh sứ màu trắng, dạng mảnh bát bị vỡ, có kích thước khoảng (04x05)cm. Được niêm phong trong túi niêm phong mã số: PS3-2020443. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Phần dân sự: Bị can NLT đề nghị bồi thường thiệt hại cho anh LTL số tiền 10.000.000đ nhưng anh L không đồng ý và đề nghị bị can T bồi thường 30.000.000đ.

Bản cáo trạng số 232/CT-VKSNDTPTN ngày 29/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố NLT về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần luận tội đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo NLT phạm tội Cố ý gây thương tích. Đề nghị: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự và bộ luật dân sự. Đề xuất xử phạt NLT mức án từ 24 đến 30 tháng tù.

Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh LTL với số tiền từ 10 đến 15 triệu đồng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí và Bị cáo và người bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Trong phần tranh luận: Bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Người bị hại không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an, cơ quan Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên thành phố Thái Nguyên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] .Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, hồ sơ bệnh án, kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 05/5/2022, tại nhà hàng DT thuộc tổ 01, phường T, thành phố Thái Nguyên, giữa NLT và anh LTL xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. T dùng tay phải cầm 01 (Một) bát ăn cơm bằng sứ màu trắng đập 01 (Một) phát trúng vào vùng thái dương bên phải của anh L. Sau đó, T tiếp tục dùng tay phải đâm liên tiếp 02 (Hai) phát vào miệng của anh L. Hậu quả anh L bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%.

[3] Đánh giá của Hội đồng xét xử: Bị cáo là người đủ năng lực hành vi trách nhiệm dân sự chỉ một sự mâu thuẫn nhỏ trong quan hệ xã hội, bị cáo T đã dùng bát sứ là hung khí nguy hiểm đánh đập và gây thương tích cho anh LTL tại Thái dương phải, sau đó T tiếp tục dùng tay phải đâm liên tiếp vào miệng của anh L. Hậu quả anh L bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%.

Bị cáo T đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích cụ thể: + Tại Bản án số 67/2014/HSPT ngày 18/02/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng, về tội “Cố ý gây thương tích”. + Tại Bản án số 77/2018/HSPT ngày 21/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” thuộc T hợp tái phạm. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 bản án là 36 tháng tù. T đi chấp hành án ngày 11/3/2019. Ra trại ngày 24/10/2021.

Bản án trên chưa được xóa án tích theo quy định và thuộc vào T hợp Tái phạm nguy hiểm theo quy định tại khoản 2, Điều 53 BLHS.

Do vậy hành vi phạm tội lần này của bị cáo là tình tiết định khung hình phạt thuộc T hợp tái phạm nguy hiểm và đã đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nH thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

d) Tái phạm nguy hiểm.”

Do đó bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà trong vụ án này là sức khỏe của anh LTL, hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự an ninh tại địa phương nên cần xử lý nghiêm minh mới bảo đảm tính răn đe của pháp luật và mang tính phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu đã từng bị xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và đã bị xử phạt vi phạm hành chính, nH không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành công dân có ích lại phạm tội với lỗi cố ý.

Xét tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo NLT có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo không phải chịu tình tiết phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo mức án từ 30 đến 36 tháng tù và buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian có như vậy mới đủ để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời mang tính phòng ngừa chung là phù hợp.

[5] Về dân sự: Quá trình điều tra bị cáo chỉ nhất trí bồi thường thiệt hại sức khỏe 10.000.000đ nH chưa bồi thường; người bị hại anh L yêu cầu bị cáo bồi thường 30.000.000đ là toàn bộ chi phí thiệt hại. Do chưa thỏa thuận được việc bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa do hai bên vẫn không thỏa thuận được với nhau. Bị cáo và người bị hại nhất trí bồi thường theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa anh L cung cấp được hóa đơn chứng từ và anh xác định thu nhập thực tế bình quân của anh và người chăm sóc khoảng 300.000đ/người/ngày.

Do vậy HĐXX có căn cứ ấn định như sau:

- Tiền thuốc, viện phí điều trị theo hồ sơ bệnh án: 5.173.027đ
 - 07 ngày nằm viện và điều trị (*từ ngày 05.5.2022 đến ngày 12.5.2022*) do chị P chăm sóc là 07 công phục vụ x 300.000 đ/công = 2.100.000 đ.
 - Thu nhập thực tế bị mất của anh L trong thời gian điều trị: Chấp nhận thời gian anh L bị mất thu nhập là 7 ngày (cấp cứu, điều trị). Chấp nhận mức thu nhập 300.000đ/01 ngày. Như vậy tổng số tiền thu nhập của anh L bị mất là 07 ngày x 300.000đ/ 01 ngày = 2.100.000đ
 - Tồn thất tinh thần: 02 tháng lương tối thiểu x 1.490.000 = 2.980.000 đ
- Tổng cộng: 12.353.000đ**

Do đó cần buộc bị cáo T phải bồi thường thiệt hại sức khỏe cho người bị hại là anh L số tiền là **12.353.000đ**.

[6] Vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy: 03 (Ba) mảnh sứ màu trắng, dạng mảnh bát bị vỡ, có kích thước khoảng (04x05)cm. Được niêm phong trong túi niêm phong mã số: PS3-2020443.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật nộp ngân sách nhà nước.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: Điểm d khoản 2 Điều 134; điểm s, khoản 1, Điều 51 và Điều 38 BLHS năm 2015; Điều 329 BLTTHS năm 2015; Điều 584, 585, 586, 590 và Điều 357; 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo NLT phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo NLT **30 (ba mươi)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam 20/5/2022 .

Quyết định tạm giam bị cáo NLT 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo NLT phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh LTL số tiền **12.353.000đ (Mười hai triệu, ba trăm lăm mươi ba nghìn đồng)**.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự. + Tịch thu tiêu hủy: 03 (Ba) mảnh sứ màu trắng, dạng mảnh bát bị vỡ, có kích thước khoảng (04x05)cm. Được niêm phong trong túi niêm phong mã số: PS3-2020443.

Hiện được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo tình trạng biên bản giao nhận vật chứng số 305 ngày 23/8/2022.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, buộc bị cáo NLT phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và **617.650đ** (*Sáu trăm mười bảy nghìn, sáu trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo; bị hại,.
- Lưu HS; lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Duy Chính